

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 11- 4 -2023

*“V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và bà Nguyễn Thị Tú Oanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1972; địa chỉ: Đường Y, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1971; địa chỉ: Đường Y, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung:

Bà T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường

xuân cãi vã. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T, ông H có 02 con chung: Nguyễn Thái S – sinh ngày 18/8/1994 và cháu Nguyễn Thị Kiều D – sinh ngày 17/02/1999. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà T thì tôi đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Nguyễn Thái S – sinh ngày 18/8/1994 và cháu Nguyễn Thị Kiều D – sinh ngày 17/02/1999. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung: Nguyễn Thái S – sinh ngày 18/8/1994 và cháu Nguyễn Thị Kiều D – sinh ngày 17/02/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ chung sống: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống từ năm 1993, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung: Nguyễn Thái S – sinh ngày 18/8/1994 và cháu Nguyễn Thị Kiều D – sinh ngày 17/02/1999. Hiện nay hai cháu đều trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H.

- **Về con chung:** Bà T và ông H có 02 con chung: Nguyễn Thái S -sinh ngày 18/8/1994 và cháu Nguyễn Thị Kiều D - sinh ngày 17/02/1999. Hiện nay các con

chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000213 ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

